

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

Số: 908/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục thuốc sử dụng tại
các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế về việc Quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục và tỉ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế về việc Đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục thuốc sử dụng tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (chi tiết danh mục thuốc tại phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Danh mục thuốc tại Điều 1 nêu trên là cơ sở phục vụ cho việc chấm điểm Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.

Điều 3. Các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm tổ chức cung ứng đầy đủ các thuốc trong danh mục đã được Sở Y tế phê duyệt cho các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn quản lý. Các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn quản lý, sử dụng thuốc theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Dược, Trưởng các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Lưu: TC-HC, NVY-D (D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thành Tuấn

PHỤ LỤC

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI CÁC TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 908/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên hoạt chất	Đường dùng, dạng dùng	Ghi chú
1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ			
1.1. Thuốc gây tê, gây mê			
1	Lidocain hydroclodrid	Tiêm, dùng ngoài	
2	Oxy được dụng	Đường hô hấp, dạng khí lỏng hoặc nén	
2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP			
2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid			
3	Diclofenac	Uống, dùng ngoài, đặt hậu môn	
4	Ibuprofen	Uống	
5	Meloxicam	Uống, dùng ngoài	
6	Paracetamol (acetaminophen)	Uống, đặt	
7	Paracetamol + chlorpheniramin	Uống	
8	Paracetamol + codein phosphat	Uống	
9	Paracetamol + ibuprofen	Uống	
10	Piroxicam	Uống	
11	Allopurinol	Uống	
12	Colchicin	Uống	
2.4. Thuốc khác			
13	Alpha chymotrypsin	Uống	Quý bảo hiểm y tế thanh toán trong điều trị phù nề sau phẫu thuật, chấn thương, bỏng.
3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DỪNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẮN			
14	Alimemazin	Uống	
15	Cetirizin	Uống	
16	Cinnarizin	Uống	
17	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Uống	
18	Diphenhydramin	Tiêm, uống	
19	Epinephrin (adrenalin)	Tiêm	
20	Loratadin	Uống	
21	Promethazin hydroclorid	Tiêm, uống, dùng ngoài	
5. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH			
22	Phenobarbital	Tiêm, uống	
23	Phenytoin	Uống	
6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN			
6.1. Thuốc trị giun, sán			
24	Albendazol	Uống	
25	Mebendazol	Uống	
6.2. Chống nhiễm khuẩn			
6.2.1. Thuốc nhóm beta-lactam			
26	Amoxicilin	Uống	
27	Amoxicilin + acid clavulanic	Uống	
28	Cefaclor	Uống	

29	Cefadroxil	Uống	
30	Cefalexin	Uống	
31	Cefradin	Uống	
32	Cefuroxim	Uống	
6.2.2. Thuốc nhóm aminoglycosid			
33	Gentamicin	Tiêm, tra mắt, dùng ngoài	
34	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Nhỏ mắt, nhỏ tai	
35	Tobramycin	Nhỏ mắt	
36	Tobramycin + dexamethason	Nhỏ mắt	
6.2.4. Thuốc nhóm nitroimidazol			
37	Metronidazol	Uống, dùng ngoài, đặt âm đạo	
38	Metronidazol + neomycin + nystatin	Đặt âm đạo	
6.2.6. Thuốc nhóm macrolid			
39	Erythromycin	Uống, dùng ngoài	
40	Spiramycin	Uống	
41	Spiramycin + metronidazol	Uống	
6.2.7. Thuốc nhóm macrolid			
42	Ciprofloxacin	Uống, nhỏ mắt, nhỏ tai	
43	Ofloxacin	Uống, nhỏ mắt, nhỏ tai	
6.2.8. Thuốc nhóm sulfamid			
44	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Uống	
6.2.9. Thuốc nhóm tetracyclin			
45	Doxycyclin	Uống	
6.3.2. Thuốc chống vi rút khác			
46	Aciclovir	Uống, tra mắt, dùng ngoài	
6.4. Thuốc chống nấm			
47	Clotrimazol	Đặt âm đạo	
48	Fluconazol	Uống, đặt âm đạo	
49	Griseofulvin	Uống, dùng ngoài	
50	Ketoconazol	Dùng ngoài, đặt âm đạo	
51	Nystatin	Uống, đặt âm đạo, bột đánh tưa lưỡi	
52	Nystatin + metronidazol + neomycin	Đặt âm đạo	
6.5. Thuốc điều trị bệnh do amip			
53	Metronidazol	Uống	
7. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỬA ĐẦU			
54	Flunarizin	Uống	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị dự phòng cơn đau nửa đầu trong trường hợp các biện pháp điều trị khác không có hiệu quả hoặc kém dung nạp.
11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU			
11.1. Thuốc chống thiếu máu			
55	Sắt fumarat + acid folic	Uống	
56	Sắt sulfat + acid folic	Uống	
11.2. Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu			
57	Phytomenadion (vitamin K1)	Tiêm, uống	
58	Tranexamic acid	Uống	
12. THUỐC TIM MẠCH			
12.1. Thuốc chống đau thắt ngực			
59	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	Uống, đặt dưới lưỡi	

60	Trimetazidin	Uống	Quý bảo hiểm y tế thanh toán điều trị triệu chứng ở người bệnh đau thắt ngực ổn định không được kiểm soát đầy đủ hoặc người bệnh không dung nạp với các liệu pháp điều trị khác.
12.2. Thuốc chống loạn nhịp			
61	Propranolol hydroclorid	Uống	
12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp			
62	Amlodipin	Uống	
63	Atenolol	Uống	
64	Bisoprolol	Uống	
65	Captopril	Uống	
66	Enalapril	Uống	
67	Irbesartan	Uống	
68	Lisinopril	Uống	
69	Losartan	Uống	
70	Losartan + hydrochlorothiazid	Uống	
71	Methyldopa	Uống	
72	Nifedipin	Uống	
73	Perindopril	Uống	
74	Ramipril	Uống	
75	Telmisartan	Uống	
76	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Uống	
12.5. Thuốc điều trị suy tim			
77	Acetylsalicylic acid (DL-lysin-acetylsalicylat)	Uống	
12.7. Thuốc hạ lipid máu			
78	Atorvastatin	Uống	Đối với trạm y tế xã, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong điều trị rối loạn lipid máu theo hướng dẫn chẩn đoán điều trị của Bộ Y tế.
79	Rosuvastatin	Uống	
80	Simvastatin	Uống	Đối với trạm y tế xã, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong điều trị rối loạn lipid máu theo hướng dẫn chẩn đoán điều trị của Bộ Y tế.
13. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU			
81	Clotrimazol	Dùng ngoài	
82	Nước oxy già	Dùng ngoài	
83	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Dùng ngoài	
15. THUỐC TÂY TRỪNG VÀ SÁT KHUẨN			
84	Cồn 70°	Dùng ngoài	
85	Đồng sulfat	Dùng ngoài	
86	Povidon iodin	Dùng ngoài, đặt âm đạo	
87	Natri clorid	Dùng ngoài	
16. THUỐC LỢI TIỂU			
88	Furosemid	Tiêm	Đối với phòng khám đa khoa và trạm y tế xã: Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị cấp cứu.
89	Furosemid	Uống	
90	Furosemid + spironolacton	Uống	
91	Spironolacton	Uống	
17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA			
17.1. Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa			
92	Aluminum phosphat	Uống	
93	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	Uống	

94	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Uống	
95	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Uống	
96	Omeprazol	Uống	
97	Esomeprazol	Uống	
98	Sucralfat	Uống	
17.2. Thuốc chống nôn			
99	Domperidon	Uống	
100	Metoclopramid	Uống, đặt hậu môn	
17.3. Thuốc chống co thắt			
101	Alverin citrat	Tiêm, uống	
102	Alverin citrat + simethicon	Uống	
103	Drotaverin clohydrat	Uống	
17.4. Thuốc tẩy, nhuận tràng			
104	Bisacodyl	Uống	
105	Sorbitol	Uống	
17.5. Thuốc điều trị tiêu chảy			
106	Bacillus subtilis	Uống	
107	Bacillus clausii	Uống	
108	Berberin (hydroclorid)	Uống	
109	Diocahedral smectit	Uống	
110	Diosmectit	Uống	
111	Kẽm gluconat	Uống	
112	Lactobacillus acidophilus	Uống	
113	Loperamid	Uống	
114	Saccharomyces boulardii	Uống	
17.6. Thuốc điều trị trĩ			
115	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	Uống	
116	Diosmin	Uống	
117	Diosmin + hesperidin	Uống	
17.7. Thuốc khác			
118	Simethicon	Uống	
119	Trimebutin maleat	Uống	
18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT			
18.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế			
120	Methyl prednisolon	Uống	
121	Methyl prednisolon	Tiêm	Đối với phòng khám đa khoa và trạm y tế xã, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị cấp cứu phản vệ.
122	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Uống	
18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết			
123	Glibenclamid + metformin	Uống	
124	Gliclazid	Uống	
125	Gliclazid + metformin	Uống	
126	Glimepirid	Uống	
127	Glimepirid + metformin	Uống	
128	Metformin	Uống	
20. THUỐC LÀM MỀM CƠ VÀ ỨC CHẾ CHOLINESTERASE			
129	Eperison	Uống	
130	Thiocolchicosid	Uống	
21. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG			
21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt			

131	Natri clorid	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	
132	Naphazolin	Nhỏ mũi	
22. THUỐC CÓ TÁC DỤNG THỨC ĐỂ, CÂM MÁU SAU ĐỂ VÀ CHỐNG ĐỂ NON			
22.1. Thuốc thức để, cầm máu sau đẻ			
133	Oxytocin	Tiêm	
134	Misoprostol	Uống	
24. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH			
24.1. Thuốc an thần			
135	Diazepam	Tiêm, uống	Dạng tiêm: Đối với phòng khám đa khoa và trạm y tế xã, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị cấp cứu.
136	Rotundin	Uống	
24.5 Thuốc tác động lên hệ thần kinh			
137	Acetyl leucin	Uống	
138	Piracetam	Uống	
25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP			
25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính			
139	Salbutamol sulfat	Uống, xịt mũi, đường hô hấp	
140	Salbutamol + ipratropium	Khí dung	
25.2. Thuốc chữa ho			
141	Ambroxol	Uống	
142	Bromhexin hydroclorid	Tiêm, uống	
143	Codein + terpin hydrat	Uống	
144	Dextromethorphan	Uống	
145	Eprazinon	Uống	
146	N-acetylcystein	Uống	
26. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC			
26.1. Thuốc uống			
147	Natri clorid + kali clorid + natri chrat + glucose khan	Uống	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: Natri clorid + kali clorid+ natri citrat + glucose khan; Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan + kẽm.
26.2. Thuốc tiêm truyền			
148	Calci clorid	Tiêm	
149	Glucose	Tiêm truyền	
150	Natri clorid	Tiêm truyền	
151	Ringer lactat	Tiêm truyền	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: Ringer lactat; Ringer acetat; Ringerfundin.
26.3. Thuốc khác			
152	Nước cất pha tiêm	Tiêm	
27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN			
153	Calci carbonat	Uống	
154	Calci carbonat + calci gluconolactat	Uống	
155	Calci lactat	Uống	
156	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Uống	
157	Vitamin A	Uống	
158	Vitamin A + D2	Uống	
159	(Vitamin A + D3)	Uống	
160	Vitamin B1	Tiêm, uống	
161	Vitamin B1 + B6 + B12	Uống	
162	Vitamin B6	Tiêm, uống	
163	Vitamin B6 + magnesi lactat	Uống	
164	Vitamin C	Uống	

165	Vitamin E	Uống	
28. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH LAO			
166	Ethambutol	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
167	Isoniazid	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
168	Pyrazinamid	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
169	Rifampicin	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
170	Rifampicin + isoniazid	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
171	Rifampicin + isoniazid + pyrazinamid + ethambutol	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.
172	Rifampicin + isoniazid + pyrazinamid	Uống	Thuốc được cấp phát tại trạm y tế xã theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao của Bộ Y tế.